

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/KDTM-PT

Ngày: 03/02/2026

*“V/v Tranh chấp hợp đồng thi công,
xây lắp công trình”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Vân

Các Thẩm phán: Ông Hà Viết Toàn và ông Phạm Hải Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Chu Thị Sáu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 10/2025/TLPT-KDTM ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc: *“Tranh chấp hợp đồng thi công, xây lắp công trình”*.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2025/KDTM-ST ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2026/QĐXX-PT ngày 06 tháng 01 năm 2026 của TAND tỉnh Quảng Ngãi giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần K1; Địa chỉ trụ sở: Phân khu công nghiệp S, thôn T, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh K - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Quốc H - sinh năm 1988; địa chỉ liên hệ: Số B đường N, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần B - Giấy VNT19; Địa chỉ trụ sở: Thôn P, xã V, tỉnh Quảng Ngãi. Người diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh H1 - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Văn T - sinh năm 1987, có mặt; địa chỉ: Thôn P, xã V, tỉnh Quảng Ngãi và Ông Nguyễn Đăng D, sinh năm 2001, địa chỉ: B T, phường C, Thành phố Hà Nội, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Thị Thu T1, luật sư Nguyễn Trọng N - Luật sư thuộc Công ty L, Đoàn Luật sư Thành phố H. Địa chỉ: B T, phường C, Thành phố Hà Nội, đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 04/11/2024, lời trình bày tại bản tự khai, văn bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày như sau:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 04/11/2024, nguyên đơn trình bày: Công ty Cổ phần K1 (sau đây viết là Đại D1) và Công ty Cổ phần B - Giấy VNT19 (sau đây viết là VNT19) đã ký kết các Hợp đồng EPC (sau đây viết là hợp đồng) thuộc dự án Nhà máy Bột - Giấy VNT19 tại địa chỉ: Thôn P, xã V, tỉnh Quảng Ngãi (trước đây là thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi), chi tiết như sau:

STT	Hợp đồng	Giá trị hợp đồng (đã bao gồm VAT)	Loại hợp đồng
1	Hợp đồng số 1028/2018/HĐXD/VNT19-DAIDUNG (K30,31,32), ngày 24/9/2018 (gọi tắt là Hợp đồng số 1028)	20.454.733.000	Hợp đồng đơn giá cố định
2	Hợp đồng số 975/2019/HĐXD/VNT19-DAIDUNG (K43), ngày 03/9/2019 (gọi tắt là Hợp đồng số 975)	4.297.342.000	Hợp đồng trọn gói
3	Hợp đồng số 156/2020/HĐXD/VNT19-DAIDUNG (K14,21,28), ngày 15/02/2020 (gọi tắt là Hợp đồng số 156)	9.633.042.439	Hợp đồng đơn giá cố định

Sau khi ký kết các hợp đồng nêu trên, Đại D1 đã thực hiện hoàn thành khối lượng công việc như trong hợp đồng và đã được nghiệm thu, bàn giao các công trình cho VNT19 đưa vào sử dụng theo: Biên bản nghiệm thu hoàn thành Hợp đồng số 975 ngày 18/04/2023 và Hợp đồng số 156 ngày 18/04/2023; Biên bản nghiệm thu hoàn thành Hợp đồng số 1028 ngày 27/05/2020.

Sau khi hoàn thành công việc theo hợp đồng, thực hiện việc nghiệm thu, bàn giao công trình cho chủ đầu tư để đưa vào sử dụng, Đại D1 đã tiến hành gửi dự thảo hồ sơ đề nghị quyết toán lần 1 cho VNT19 theo các email ngày 29/05/2023 cho Hợp đồng số 156; email ngày 06/06/2023 cho Hợp đồng số 1028; email ngày 05/07/2023 cho Hợp đồng số 975 (các email đính kèm). Tuy nhiên đến ngày 05/08/2023, quá thời hạn 30 ngày làm việc để phản hồi hồ sơ quyết toán theo quy định tại Điều 6.2.3 Hợp đồng: “*Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày*

Bên B bàn giao hồ sơ đề nghị quyết toán đầy đủ và hợp lệ theo quy định, Tư vấn giám sát và Bên A có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận giá trị quyết toán và thông báo cho Bên B” nhưng VNT19 vẫn không phản hồi, không phê duyệt hồ sơ quyết toán.

Đến ngày 20/12/2023, sau 06 tháng đốc thúc nhưng VNT19 vẫn không phản hồi, Đ đã phát hành công văn số 2012/CV-DDCMT kèm hồ sơ quyết toán 03 hợp đồng nêu trên bằng bản cứng cho VNT19, yêu cầu phê duyệt hồ sơ quyết toán trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ quyết toán, giá trị quyết toán chi tiết theo bảng 01 dưới đây. Đến ngày 11/01/2024, Đại D1 đã tiến hành phát hành các hóa đơn hợp đồng số 1028, Hợp đồng số 975 và Hợp đồng số 156.

BẢNG 1: BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN LẦN 2 (Công ty Đại Dững đã bàn giao hồ sơ cho Công ty VNT19 ngày 28/12/2023)				
Nội dung	Giá trị Hợp đồng	Giá trị đã xuất hóa đơn	Giá trị đã thanh toán	Giá trị đề nghị thanh toán (chưa tính giá trị bảo hành)
Hợp đồng số 1028	20.454.733.000	22.742.589.600	18.624.003.147	4.118.586.453
Hợp đồng số 975	4.297.342.000	4.297.324.000	3.159.468.000	923.007.000
Hợp đồng số 156	9.633.042.439	8.788.010.468	6.210.737.439	2.137.872.506
Tổng cộng	34.385.117.439	35.827.924.068	27.994.208.586	7.179.465.959

Hồ sơ quyết toán bản cứng của hợp đồng số 1028 (khu nhà K30); hợp đồng số 975 (khu N); hợp đồng số 156 (khu N, K21, K28) được VNT19 nhận vào ngày 28/12/2023. Theo thỏa thuận tại Điều 6.2.3 hợp đồng thì: “...*Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 10% giá trị Hợp đồng (phần giữ lại) và các khoản khấu trừ khác (nếu có) trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Bên A xác nhận giá trị quyết toán*”. Vì VNT19 không phản hồi số liệu quyết toán dù đã nhận đầy đủ hồ sơ nên VNT19 có nghĩa vụ thanh toán giá trị quyết toán cho Đại Dững từ ngày 12/01/2024. Đến ngày 06/03/2024, Đại D1 đã làm việc trực tiếp với VNT19 về hồ sơ quyết toán tại trụ sở của bị đơn, tuy nhiên VNT19 không hợp tác phê duyệt hồ sơ quyết toán và không thực hiện việc thanh toán cho Đại D1.

Việc VNT19 không thực hiện nghĩa vụ quyết toán hợp đồng với ý đồ chiếm dụng vốn của Đại D1. Đến ngày 14/10/2024, Đại D1 tiếp tục gửi hồ sơ quyết toán các hợp đồng lần 02 theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt và khối lượng hoàn thành thực tế với giá trị quyết toán theo bảng 2 bên dưới. Bản gốc hồ sơ

quyết toán và bản vẽ hoàn công lần 02 đã được gửi đến VNT19 ngày 19/10/2024 nhưng vẫn không được phản hồi. Đến ngày 25/10/2024, Đại D1 đã phát hành công văn số 2510/CV-DDCMT thông báo hết hạn bảo hành công trình theo hợp đồng số 1028, hợp đồng số 975 và hợp đồng số 156 và chấm dứt hợp đồng với VNT19. Theo đó, hợp đồng số 1028 đã bàn giao công trình từ ngày 27/05/2020, căn cứ quy định Điều 9.1 Hợp đồng 1028 thì: “*Bên B có trách nhiệm bảo hành công trình trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao hạng mục công trình đưa vào sử dụng*” nên hợp đồng 1028 đã hết hạn bảo hành từ ngày 27/5/2022; đối với hợp đồng 975 và hợp đồng 156 sẽ đến hạn bảo hành sau 24 tháng kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng tức ngày 18/4/2025. Vì VNT19 không quyết toán hợp đồng nên Đại Dững không thể phát hành bảo lãnh bảo hành, vì vậy Đại Dững không thể phát hành bảo lãnh đối với giá trị bảo hành hợp đồng số 1028, hợp đồng số 975 và hợp đồng số 156. Tuy nhiên, do VNT19 cố ý chậm quyết toán, cố tình chiếm dụng vốn của nhà thầu nên Đại Dững yêu cầu VNT19 phải thanh toán 05% giá trị bảo hành vì VNT19 đã dùng quyền chủ động ký hồ sơ để thể hiện ý định chiếm dụng vốn của Đại D1.

BẢNG 2: BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN LẦN 3 <i>Theo hồ sơ quyết toán ngày 14/10/2024</i>					
Nội dung	Giá trị của Hợp đồng	Giá trị quyết toán	Giá trị đã xuất hóa đơn	Giá trị đã thanh toán	Giá trị đề nghị thanh toán (bao gồm giá trị bảo hành)
Hợp đồng số 1028	20.454.733.000	25.174.364.000	23,915,645,800	18,624,003,147	6,550,360,853
Hợp đồng số 975	4.297.342.000	4.297.342.000	4,297,324,000	3,159,468,000	1,137,874,000
Hợp đồng số 156	9.633.042.439	10.878.654.796	10,334,722,058	6,210,737,439	4,667,917,357
Tổng cộng	34.385.117.439	40.350.360.796	38,547,709,858	27,994,208,586	12,356,152,210

Tính đến ngày 04/11/2024, VNT19 vẫn không phản hồi, phê duyệt hồ sơ quyết toán và thanh toán công nợ cho Đại D1 (chậm 305 ngày kể từ ngày Đại Dững bàn giao hồ sơ quyết toán đầy đủ vào ngày 28/12/2023). Việc VNT19 chậm quyết toán hồ sơ 305 ngày đã vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Xây dựng. Do đó, VNT19 phải thanh toán cho Đại D1 số tiền nợ gốc và khoản lãi chậm thanh toán là:

- Nợ gốc: 12.356.152.210 đồng (giá trị đề nghị thanh toán theo Quyết toán), trong đó:

Nội dung	Giá trị đề nghị thanh toán (bao gồm giá trị bảo hành)
Hợp đồng số 1028	6.550.360.853 đồng
Hợp đồng số 975	1.137.874.000 đồng
Hợp đồng số 156	4.667.917.357 đồng
Tổng cộng	12.356.152.210 đồng

- Nợ lãi: 744.220.397 đồng (tạm tính đến ngày 04/11/2024, chi tiết có bảng kê kèm theo).

Về căn cứ tính lãi suất: Tại Điều 10.4 Hợp đồng số 1028, Hợp đồng số 975 và Hợp đồng số 156 đều quy định “Phạt chậm thanh toán: Bất kỳ đợt thanh toán chậm nào cũng không được quá 25 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng. Nếu quá thời hạn 25 ngày nêu trên, Bên A sẽ phải trả cho Bên B khoản lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do ngân hàng N1 công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm chậm thanh toán”, Ngân hàng N1 công bố lãi suất cơ bản của thời kỳ năm 2011 là 9%.

- Đối với giá trị phạt vi phạm hợp đồng: Theo đơn khởi kiện, Đại D1 yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng với mức phạt là 12% trên số tiền hợp đồng bị vi phạm là: $12.356.152.210 \times 12\% = 1.482.738.265$ đồng.

Từ diễn biến và quá trình thực hiện hợp đồng như đã trình bày nêu trên, xét thấy chủ đầu tư đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ quyết toán, thanh toán, xâm phạm đến đến và lợi ích của nhà thầu. Do đó, Đại Dững khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc VNT19 có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ từ các hợp đồng nêu trên như sau:

1. Buộc VNT19 có nghĩa vụ thanh toán giá trị nợ gốc bao gồm đợt quyết toán và bảo hành các Hợp đồng EPC cho Đại D1 với tổng số tiền là: 12.356.152.311 đồng (mười hai tỷ, ba trăm năm mươi sáu triệu, một trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm mười một đồng).

2. Buộc VNT19 phải chịu lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 04/11/2024 là: 744.220.397 đồng và tiếp tục chịu lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 05/11/2024 cho đến khi thanh toán xong hết công nợ.

3. Buộc VNT19 phải chịu phạt vi phạm Hợp đồng là 12% trên số tiền Hợp đồng bị vi phạm là: $12.356.152.210 \times 12\% = 1.482.738.265$ đồng.

Tổng cộng, Đại D1 yêu cầu VNT19 phải thanh toán số tiền là 14.583.110.973 đồng (mười bốn tỷ, năm trăm tám mươi ba triệu, một trăm mười nghìn, chín trăm bảy mươi ba đồng).

Tại các bản trình bày ý kiến ghi ngày 20/12/2024, ngày 05/8/2025 và tại phiên tòa, đại diện Đại Dững trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Vào ngày 05/11/2024, sau khi Đại D1 khởi kiện vụ việc đến Tòa án, VNT19 đã gửi bảng danh mục đánh giá quyết toán hợp đồng (email và bảng danh mục đánh giá quyết toán đính kèm) và đề nghị Đại Dững hoàn chỉnh hồ sơ theo danh mục và quy định hợp đồng. Ngày 05/12/2024, Đại D1 đã thực hiện điều chỉnh hồ sơ quyết toán theo phản hồi của VNT19 tại bảng danh mục đánh giá quyết toán hợp đồng và gửi đến VNT19 qua email. Theo đó, giá trị quyết toán được điều chỉnh cụ thể sau phản hồi của VNT19 theo bảng sau:

BẢNG 3: BẢNG THỐNG KÊ GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH					
STT	Hợp đồng	Giá trị quyết toán ngày 14/10/2024 (A)	Giá trị quyết toán ngày 17/12/2024 sau khi VNT19 phản hồi (B)	Chênh lệch (C=B-A)	Giá trị đề nghị thanh toán theo quyết toán ngày 17/12/2024 (bao gồm giá trị bảo hành)
1	Hợp đồng EPC số 156	10,878,654,796	10,047,409,343	- 831,245,453	3,836,671,904
2	Hợp đồng EPC số 1028	25,174,364,000	24,807,193,000	-367,171,000	6,183,189,853
3	Hợp đồng EPC số 975	4,297,342,000	3,978,557,000	-318,785,000	819,089,000
Tổng cộng		40,350,360,796	38,833,159,343	- 1,517,201,453	10,838,950,757

Tuy nhiên ngày 10/12/2024, VNT19 phát hành Công văn số 1489/VNT19-TCKT cho Đại Dững, theo đó VNT19 đề nghị Đại Dững sớm hoàn thiện các thủ tục thanh, quyết toán các hợp đồng số 1028 ngày 24/09/2018, số 975 ngày 03/09/2019 và số 156 ngày 15/02/2020. Phản hồi này của VNT19 thể hiện sự không hợp tác, né tránh trong việc xác nhận giá trị hoàn thành các hợp đồng nêu trên. Mặc dù Đại D1 đã hoàn thành công trình và bàn giao cho VNT19 từ ngày 27/05/2020 đối với Hợp đồng số 1028, từ ngày 18/04/2023 đối với Hợp đồng số 975 và Hợp đồng số 156.

Tại phiên tòa, Đại Dững điều chỉnh yêu cầu khởi kiện, theo đó điều chỉnh giảm giá trị quyết toán của hợp đồng số 1028, số tiền điều chỉnh giảm là

572.963.000 đồng (đã bao gồm VAT), cụ thể như sau:

BẢNG THỐNG KÊ GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH							
TT	Hợp đồng	Giá trị quyết toán ngày 17/12/2024 sau khi VNT19 phản hồi			Giá trị đã phát hành hóa đơn	Giá trị đề nghị thanh toán sau khi điều chỉnh sai số đơn giá hợp đồng (Bao gồm giá trị bảo hành)	Giá trị bảo hành (5% giá trị quyết toán)
		Giá trị thực hiện theo Hợp đồng (a)	Giá trị phát sinh tăng (b)	Tổng giá trị quyết toán (a+b)			
1	Hợp đồng EPC số 1028	20,601,560,000	4,205,633,000	24,807,193,000	38,547,709,858	5,610,226,487	1,240,359,650
2	Hợp đồng EPC số 156	8,767,898,637	1,279,510,707	10,047,409,343		3,836,671,904	502,370,467
3	Hợp đồng EPC số 975	3,904,424,000	74,133,000	3,978,557,000		819,089,000	198,927,850
Tổng cộng		33,273,882,637	5,559,276,707	38,833,159,343	38,547,709,858	10,265,987,391	1,941,657,967

Vì VNT19 không thực hiện phê duyệt hồ sơ quyết toán, cố tình kéo dài thời gian thanh toán, gây thiệt hại cho Đại Dững. Do đó, Đại Dững khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc VNT19 có nghĩa vụ thanh toán cho Đại D1 số tiền nợ gốc, lãi chậm thanh toán, phạt vi phạm hợp đồng như sau:

1. Thanh toán giá trị nợ gốc bao gồm đợt quyết toán và bảo hành các hợp đồng EPC cho Đại D1 sau khi điều chỉnh tổng cộng số tiền là: 10.265.987.391 đồng (mười tỷ, hai trăm sáu mươi lăm triệu, chín trăm tám mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi một đồng) (1).

STT	HỢP ĐỒNG	NỢ GỐC
1	Hợp đồng số 1028	5.610.226.487
2	Hợp đồng số 156	3.836.671.904
3	Hợp đồng số 975	819.089.000

Tổng cộng	10.265.987.391
------------------	-----------------------

2. Thanh toán lãi chậm thanh toán tính từ ngày 12/01/2024: Theo Điều 6.2.3 Hợp đồng số 1028, Hợp đồng số 975 và Hợp đồng số 156 thì: “Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 10% giá trị Hợp đồng (phần giữ lại) và các khoản khấu trừ khác (nếu có) trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Bên A xác nhận giá trị quyết toán”. Ngày 28/12/2023, Đại D1 bàn giao bản cứng hồ sơ đề nghị quyết toán cho VNT19 nhưng vì VNT19 không phản hồi số liệu quyết toán nên Đại Dững có quyền yêu cầu VNT19 thanh toán giá trị quyết toán toàn bộ 03 Hợp đồng từ ngày 12/01/2024 (10 ngày làm việc sau khi VNT19 nhận được bản cứng hồ sơ quyết toán). Giá trị Đại D1 yêu cầu dựa trên số tiền 10.265.987.391 đồng (bao gồm 5% giá trị bảo hành) đã được điều chỉnh giảm một phần giá trị của hợp đồng 1028.

Theo các hợp đồng, các bên thỏa thuận lãi chậm thanh toán theo lãi suất cơ bản do ngân hàng N1 công bố tương ứng với thời điểm thanh toán. Tuy nhiên, hiện nay ngân hàng N1 không còn công bố lãi suất, bị đơn không phê duyệt hồ sơ quyết toán, giữa các bên tranh chấp về gốc, lãi. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 43 Nghị định 37/2015/NĐ-CP quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng, Đại Dững yêu cầu VNT19 phải chịu lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng TMCP Á - A (nơi Đại Dững mở tài khoản thanh toán), lãi suất cho vay của A tại thời điểm xét xử là 8,5%/năm, tương ứng với lãi suất nợ quá hạn là 12,75%/năm (150% lãi suất trong hạn). Số tiền lãi chậm thanh toán yêu cầu bị đơn phải trả tính đến ngày xét xử (21/8/2025) là: 1.868.339.390 đồng (một tỷ, tám trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn, ba trăm chín mươi đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 22/8/2025 cho đến khi thanh toán xong hết công nợ (2).

3. Yêu cầu thanh toán giá trị phạt vi phạm hợp đồng: Quá trình quyết toán hợp đồng, VNT19 đã 04 lần không phản hồi, 03 lần cố ý không ký xác nhận hồ sơ quyết toán, không phản hồi đúng quy định dù Đại Dững đã gửi hồ sơ quyết toán theo đúng quy trình gửi bằng email và bản giấy. Ngày 25/10/2024, Đại D1 đã phát hành Công văn số 2510/CV-DDCMT đến VNT19 nhắc lại trường hợp VNT19 không thanh toán nợ gốc, Đại Dững sẽ khởi kiện VNT19 ra Tòa án đồng thời thông báo lần 2 áp dụng chế tài phạt vi phạm Hợp đồng nhưng VNT19 vẫn không thanh quyết toán cho Đại Dững theo đúng quy định.

Do VNT19 cố ý vi phạm nghĩa vụ quyết toán, thanh toán nên Đại Dững căn cứ Điều 10.1 Hợp đồng - Phạt vi phạm Hợp đồng và Bồi thường thiệt hại, yêu cầu VNT19 phải thanh toán cho Đại Dững giá trị phạt vi phạm 8% trên giá trị Hợp đồng bị vi phạm, tương ứng số tiền $10.265.987.391 \times 8\% = 821.278.991$ đồng

(tám trăm hai mươi một triệu, hai trăm bảy mươi tám nghìn, chín trăm chín mươi một đồng) (3).

Tổng giá trị Đại Dững yêu cầu VNT19 phải thanh toán là **(1) + (2) + (3) = 12.955.605.772** đồng (mười hai tỷ, chín trăm năm mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ năm nghìn, bảy trăm bảy mươi hai đồng).

Đối với yêu cầu phản tố của VNT19 về phạt vi phạm tiến độ thi công của các Hợp đồng: Đại Dững không có nghĩa vụ phải thanh toán ngay lập tức và vô điều kiện các khoản phạt vì theo quy định tại Điều 10.3 của các hợp đồng, Đại D1 chỉ bị phạt khi vi phạm chậm tiến độ hợp đồng tính từ bắt đầu tiến độ theo Điều 4.2 Hợp đồng và chỉ tính số ngày chậm tiến độ không thuộc trường hợp được gia hạn tiến độ theo Điều 4.3 Hợp đồng. Vì vậy, Đại D1 không đồng ý toàn bộ yêu cầu phản tố này của VNT19, Đại Dững có đầy đủ chứng cứ, chứng minh Đại D1 không chậm tiến độ.

Đối với yêu cầu phản tố phạt vi phạm chất lượng thi công của Hợp đồng 1028: Đại Dững không có nghĩa vụ phải thanh toán ngay lập tức và vô điều kiện các khoản phạt vi phạm chất lượng vì theo quy định Hợp đồng, Đại D1 chỉ phải chịu phạt khi thi công không đúng theo yêu cầu của bản vẽ thiết kế và lỗi là không thể thay thế sửa chữa khắc phục lỗi hoặc sửa chữa không đầy đủ. Tuy nhiên, theo 03 Biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, VNT19 đã đồng ý nghiệm thu đưa vào sử dụng công trình theo 03 Hợp đồng. Đại Dững xác định các lỗi theo Biên bản kiểm tra hiện trường Nhà K30 ngày 12/08/2020 và Biên bản làm việc ngày 18/07/2022 là những lỗi tồn đọng không ảnh hưởng khả năng vận hành công trình, Đại D1 đã khắc phục các lỗi tồn đọng tại công trình, VNT19 đã xác nhận hoàn thành sửa chữa, ký Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng vào các ngày 18/04/2023 cho Hợp đồng 975, ngày 18/04/2023 cho Hợp đồng 156 và ngày 27/05/2020 cho Hợp đồng 1028. Do đó, việc VNT19 yêu cầu phạt chất lượng và bồi thường thiệt hại là không có căn cứ nên Đại D1 hoàn toàn không đồng ý yêu cầu phản tố phạt vi phạm chất lượng của bị đơn.

Đối với yêu cầu về vi phạm nghĩa vụ cung cấp chứng thư bảo lãnh bảo hành: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 46 Nghị định 37/2015/NĐ-CP của Chính phủ thì các Hợp đồng tuân theo: “b) Bảo đảm bảo hành có thể thực hiện bằng hình thức bảo lãnh hoặc hình thức khác do các bên thỏa thuận, nhưng phải ưu tiên áp dụng hình thức bảo lãnh”. Đối chiếu quy định Hợp đồng giữa VNT19 và Đại Dững, bảo đảm bảo hành được thực hiện với hình thức bảo lãnh bảo hành của ngân hàng với giá trị bảo lãnh là 5% giá trị quyết toán. Tuy nhiên, từ ngày công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng, Đại D1 đã trình Quyết toán 04 lần nhưng VNT19 đã trì hoãn việc ký duyệt quyết toán hợp đồng nên không đủ điều kiện để Ngân hàng phát hành chứng thư bảo lãnh bảo hành. Vì vậy, Đại D1 không đồng ý yêu cầu phản tố này của VNT19. Việc VNT19 trì hoãn việc ký duyệt toán cho

Đại D1 đã dẫn đến hệ quả trực tiếp Đại Dững không thể phát hành bảo lãnh bảo hành công trình. Do đó, Đại D1 không đồng ý với yêu cầu này của VNT19.

Đối với các nội dung trình bày của bị đơn tại văn bản ý kiến và đề nghị ngày 14/7/2025 và ngày 24/7/2025, phản hồi về thành phần, nội dung hồ sơ quyết toán; thẩm quyền ký, hình thức, số lượng hồ sơ quyết toán; yêu cầu trưng cầu một đơn vị thứ ba độc lập có chức năng, thẩm quyền để tiến hành kiểm toán, xác định giá trị quyết toán công trình: Đại Dững nhận thấy mọi phản hồi của VNT19 thể hiện ý đồ tạo tranh chấp phi lý, cố ý kéo dài thời gian và chiếm dụng vốn của Đại D1, thể hiện sự thiếu trách nhiệm và bỏ mặc hậu quả thiệt hại xảy ra cho Đại D1 vì hành vi trái quy định Hợp đồng và quy định pháp luật liên quan của VNT19. Vì vậy, Đại D1 không đồng ý với các ý kiến trình bày và phản hồi nêu trên, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty V1.

Tại đơn khởi kiện phản tố ghi ngày 13/3/2025, lời trình bày tại các buổi làm việc và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày như sau:

VNT19 xác nhận giữa các bên có ký các hợp đồng EPC nêu trên, các công trình do nguyên đơn thực hiện đã hoàn thành, đã nghiệm thu, bàn giao, đưa vào sử dụng, đã thanh toán được 85% giá trị hợp đồng, còn lại 10% giá trị các hợp đồng và 5% phí bảo hành công trình. Tuy nhiên, đối với việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu VNT19 thanh toán số tiền còn lại thì bị đơn phản đối toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì hồ sơ quyết toán do nguyên đơn cung cấp có nhiều sai sót, có một số công việc, hạng mục thực hiện không đúng như quyết toán đã nêu, hồ sơ thiếu các tài liệu, chứng từ theo quy định tại hợp đồng và quy định pháp luật, VNT19 đã có văn phản hồi yêu cầu nguyên đơn điều chỉnh quyết toán nhưng nguyên đơn chưa khắc phục nên chưa đủ điều kiện xem xét, chấp thuận thanh toán. Trong quá trình thực hiện các hợp đồng, nguyên đơn đã có nhiều vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ (như vi phạm tiến độ, vi phạm chất lượng...) theo thỏa thuận hợp đồng nên phải chịu phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ khác phát sinh nên VNT19 không có sở sở để chấp nhận giá trị và hồ sơ quyết toán. Do đó, Công ty V1 không có nghĩa vụ thanh toán cho Đại D1 số tiền còn lại và đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trên cơ sở các tài liệu có liên quan, VNT19 yêu cầu phản tố đối với Đại D1, yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Đại Dững thanh toán ngay lập tức và vô điều kiện cho VNT19 khoản tiền phạt do vi phạm tiến độ thi công của các hợp đồng số 975, hợp đồng số 1028 và hợp đồng số 156, với tổng giá trị yêu cầu thanh toán là 3.438.511.743 đồng, cụ thể:

1.1. Đối với hợp đồng số 975: Điều 4 của hợp đồng quy định về thời gian, tiến độ thực hiện hợp đồng sau: “*Thời gian thi công dự kiến cho hạng mục là: 90 ngày (không bao gồm ngày nghỉ lễ, tết theo quy định) kể từ sau khi hợp đồng được*

ký và khi bên B nhận bàn giao toàn bộ mặt bằng đủ điều kiện thi công cũng như nhận đủ số tiền tạm ứng từ bên A. Bên A sẽ phê duyệt bản vẽ thi công trước thời điểm thi công hạng mục tương ứng 15 ngày".

Ngày 19/06/2019, VNT19 phê duyệt bản vẽ thiết kế mặt bằng mái - hạng mục đầu tiên để Đại D1 thực hiện thi công. Ngày 05/09/2019, VNT19 bàn giao mặt bằng thi công cho Đại Dững theo biên bản bàn giao mặt bằng ngày 05/09/2019. Ngày 23/09/2019, VNT19 thanh toán lần đầu cho Đại D1 với giá trị 859.468.000 đồng, tương ứng với giá trị tạm ứng theo quy định tại Điều 6.2.1 Hợp đồng 975. Do đó, có căn cứ để xác định thời điểm bắt đầu tiến độ thi công của Hợp đồng 975 là từ ngày 23/09/2019, và theo quy định của Hợp đồng, Đại D1 phải hoàn thành thi công đối với Hợp đồng 975 là ngày 20/12/2019. Thực tế thi công, Đại D1 đã vi phạm tiến độ hoàn thành như nêu trên.

Điều 10.3 của Hợp đồng 975 quy định về phạt chậm tiến độ thi công như sau: *"10.3 Phạt chậm tiến độ: Nếu Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng hoặc chậm tiến độ quy định tại Điều 4 của hợp đồng, thì Bên B phải chịu phạt 0,5% giá trị hợp đồng/ngày chậm trễ và mức tối đa không quá 10% giá trị hợp đồng. Khoản phạt này được Bên A khấu trừ ngay trong giá trị thanh toán hợp đồng của đợt thanh toán gần nhất kể từ ngày xảy ra việc vi phạm, nếu không đủ thì tiếp tục thu từ Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng của Bên B. Nếu mức phạt chậm tiến độ tại thời điểm nào đó vượt quá 10% giá trị hợp đồng hoặc trong trường hợp Bên B chậm tiến độ vượt quá 25 ngày so với tổng tiến độ được Bên A chấp thuận tùy điều kiện nào, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng và Bên B chịu phạt khoản tiền bằng 10% giá trị hợp đồng, đền bù toàn bộ thiệt hại do việc chậm trễ của Bên B gây ra".*

Trên cơ sở quy định được trích dẫn nêu trên, VNT19 có quyền phạt Đại Dững do vi phạm tiến độ mức tối đa là 10% giá trị hợp đồng: 4.297.342.000 đồng x 10% = 429.734.200 đồng.

1.2. Đối với hợp đồng 1028: Điều 4 Hợp đồng 1028 quy định về thời gian - tiến độ thực hiện hợp đồng như sau: *"4.1. Thời gian Bên B thực hiện toàn bộ công việc theo Hợp đồng là 105 ngày (bao gồm ngày nghỉ lễ, tết theo quy định) kể từ ngày Hợp đồng được ký (với điều kiện bên B nhận bàn giao toàn bộ mặt bằng đủ điều kiện thi công theo đúng tiến độ)".*

Hợp đồng 1028 được ký vào ngày 24/09/2018, theo Biên bản bàn giao mặt bằng ngày 08/12/2018 và yêu cầu của VNT19, nhà thầu Công ty Cổ phần L1 đã bàn giao lại mặt bằng thi công cho Đại Dững để tiến hành thi công các công việc tiếp theo. Như vậy, Đại D1 đã nhận bàn giao mặt bằng để thi công Hợp đồng 1028 từ ngày 08/12/2018 và theo quy định của Hợp đồng 1028 trích dẫn nêu trên, Đại D1 phải hoàn thành thi công theo tiến độ đã thoả thuận là 105 ngày kể từ ngày

08/12/2018, tức là ngày 23/03/2019. Thực tế thi công, Đại D1 đã vi phạm tiến độ hoàn thành như nêu trên.

Điều 10.3 của Hợp đồng 1028 quy định về phạt chậm tiến độ thi công tương tự như Điều 10.3 của Hợp đồng 975 nêu trên. Trên cơ sở quy định được trích dẫn nêu trên, VNT19 có quyền phạt Đại Dững do vi phạm tiến độ mức tối đa là 10% giá trị Hợp đồng, tương ứng số tiền là 20.454.733.000 đồng x 10% = 2.045.473.300 đồng.

1.3. Đối với hợp đồng số 156: Điều 4 hợp đồng 156 quy định về thời gian - tiến độ thực hiện hợp đồng như sau:

“4.1. Thời gian thi công dự kiến cho các khu 21, 28, 14 là: 150 ngày, cụ thể như sau: Thời gian thi công phần khung kết cấu chính và mái che trong vòng 105 ngày; thời gian hoàn thành dự kiến nhà 28: 60 ngày; thời gian hoàn thành dự kiến nhà 14: 45 ngày.

4.2. Tiến độ thi công trên không bao gồm ngày nghỉ lễ, tết theo quy định. Thời gian tính tiến độ kể từ sau khi bên B nhận bàn giao toàn bộ mặt bằng đủ điều kiện thi công, bản vẽ thiết kế kỹ thuật trình duyệt, bản vẽ thi công lắp dựng được phê duyệt từ bên A, cũng như nhận đủ số tiền tạm ứng từ bên A. Bên A sẽ phê duyệt bản vẽ thiết kế kỹ thuật trình duyệt, bản vẽ thi công lắp dựng trước thời điểm thi công hạng mục tương ứng 15 ngày”.

Ngày 02/10/2019, VNT19 phê duyệt bản vẽ kỹ thuật trình duyệt của nhà 21 và nhà 28 và đến ngày 30/10/2019, VNT19 phê duyệt bản vẽ kỹ thuật trình duyệt của nhà 14. Theo Biên bản bàn giao mặt bằng thi công ngày 09/03/2020, VNT19 đã bàn giao mặt bằng thi công cho Đại Dững vào ngày 03/03/2020. Ngày 04/03/2020, VNT19 tạm ứng cho Đại D1 theo quy định của Hợp đồng.

Như vậy, thời điểm bắt đầu tính tiến độ thi công đối với các nhà 21, nhà 28, nhà 14 của hợp đồng 156 kể từ ngày 04/03/2020. Theo quy định tại hợp đồng 156 trích dẫn nêu trên, Đ phải hoàn thành thi công theo tiến độ là 150 ngày kể từ ngày 04/03/2020, tức là ngày 05/08/2020. Thực tế thi công Đại Dững đã vi phạm tiến độ hoàn thành như nêu trên.

Điều 10.3 của Hợp đồng 156 quy định về phạt chậm tiến độ thi công tương tự như Điều 10.3 của Hợp đồng 975 nêu trên. Trên cơ sở quy định được trích dẫn nêu trên, VNT19 có quyền phạt Đại Dững do vi phạm tiến độ mức tối đa là 10% giá trị hợp đồng, tương ứng số tiền là 9.633.042.439 đồng x 10% = 963.304.243 đồng.

2. Buộc Đại Dững thanh toán ngay lập tức và vô điều kiện cho VNT19 khoản tiền phạt do vi phạm chất lượng thi công đối với hợp đồng số 1028, với số tiền là: 2.454.567.960 đồng, cụ thể:

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng, VNT19 nhận thấy có một số hạng

mục thi công không đạt chất lượng, cần phải sửa chữa, khắc phục và đã yêu cầu Đại D1 thực hiện, thể hiện tại các biên bản sau:

Biên bản kiểm tra hiện trường nhà K30 ngày 12/08/2020: Hạng mục thi công nhà K30 của hợp đồng 1028 còn tồn tại một số hạng mục chưa đạt chất lượng về sơn dặm kết cấu, ti xà gồ vách, cầu thang, lan can, hệ thống mái... như được liệt kê cụ thể trong Biên bản này và VNT19 yêu cầu Đại Dững sửa chữa, khắc phục, với nội dung các bên thống nhất rằng: *“Các bên thống nhất nội dung trên và ký vào biên bản để Nhà thầu có cơ sở làm quyết toán Nhà K30. Thời gian xử lý trước thời điểm ký hồ sơ quyết toán Nhà K30”*. Tuy nhiên đến nay, Đại D1 vẫn chưa khắc phục các vấn đề còn tồn tại của hạng mục này.

Biên bản làm việc ngày 18/07/2022, nội dung: Giải quyết các tồn tại của các hạng mục Nhà tiền chế: Nhà K, nhà K, nhà K do nhà thầu Đại Dững cam kết sửa chữa, khắc phục những tồn tại, khuyết điểm. Tuy nhiên, đến ngày của Đơn phản tố, Đại D1 vẫn không thực hiện việc sửa chữa, khắc phục các hạng mục không đạt chất lượng như cam kết tại biên bản làm việc nêu trên. VNT19 cũng chưa phát hành bất kỳ văn bản xác nhận nào về việc Đại D1 đã hoàn thành nghĩa vụ sửa chữa, khắc phục đối với các hạng mục vi phạm chất lượng nêu trên của Hợp đồng 1028.

Trong khi đó, Điều 10.2 Hợp đồng 1028 quy định về phạt vi phạm về chất lượng như sau: *“10.2 Phạt vi phạm về chất lượng: a. Nếu Bên B thi công không đúng hoặc không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của bản vẽ thiết kế thi công và tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật theo quy định, thì Bên B phải thực hiện việc thay thế hoặc sửa chữa/khắc phục và chịu mọi kinh phí cho việc thay thế/sửa chữa/khắc phục đó. Việc thay thế/sửa chữa/khắc phục được coi là hoàn thành sau khi được Bên A nghiệm T2 và xác nhận bằng văn bản. Để làm rõ, việc thay thế/sửa chữa/khắc phục phải được thực hiện trong khoảng thời gian hợp lý do Bên A ấn định. Trong trường hợp việc thay thế/sửa chữa/khắc phục làm tiến độ thực hiện Hợp đồng bị chậm so với kế hoạch, Bên A có quyền áp dụng các hình thức phạt như nêu tại Khoản 10.3 của Điều này.*

b. Nếu Bên B không thay thế/sửa chữa/khắc phục hoặc cố tình trì hoãn hoặc thay thế/sửa chữa/khắc phục không đầy đủ, không đảm bảo chất lượng, bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng. Bên A tự thực hiện hoặc thuê nhà thầu khác thực hiện tùy theo quyết định của Bên A, và Bên B sẽ phải chịu mọi chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc thay thế/sửa chữa/khắc phục và đồng thời phạt 12% giá trị Hợp đồng”.

Trên cơ sở quy định được trích dẫn nêu trên, VNT19 có quyền phạt Đại Dững do vi phạm chất lượng thi công của Hợp đồng 1028 là 12% giá trị hợp đồng, với số tiền là: 20.454.733.000 đồng x 12% = 2.454.567.960 đồng, đồng thời có quyền yêu cầu Đại Dững bồi thường các thiệt hại phát sinh mà VNT19 phải gánh

chịu vì hành vi không thi công đúng chất lượng đối với Hợp đồng 1028.

3. Bồi thường toàn bộ thiệt hại mà VNT19 phải gánh chịu vì hành vi không thi công đúng chất lượng đối với Hợp đồng 1028. Giá trị cụ thể của khoản bồi thường thiệt hại này sẽ được VNT19 bổ sung trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

4. Buộc Đại D1 cung cấp chứng thư bảo lãnh bảo hành đối với các hợp đồng số 1028, hợp đồng số 975 và hợp đồng số 156. Theo quy định nêu trên, để thực hiện việc quyết toán công trình, Đại Dững có nghĩa vụ phải cung cấp cho VNT19 chứng thư bảo lãnh bảo hành có giá trị bằng 5% giá trị quyết toán. Tuy nhiên, đến nay VNT19 không nhận được bất kỳ bảo lãnh bảo hành nào của các hợp đồng từ Đ.

Tổng số tiền VNT19 phản tố yêu cầu nguyên đơn có nghĩa vụ phải thanh toán là 5.893.079.703 đồng (năm tỷ, tám trăm chín mươi ba triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn, bảy trăm lẻ ba đồng).

Tại văn bản trình bày ý kiến ghi ngày 14/7/2025 và ngày 24/7/2025, bị đơn trình bày và yêu cầu như sau: Đại Dững cung cấp hồ sơ quyết toán thiếu thành phần, các tài liệu không đạt yêu cầu về nội dung, không đạt yêu cầu về người có thẩm quyền ký hồ sơ, hình thức và số lượng hồ sơ. Từ những nội dung ý kiến nêu trên, VNT19 khẳng định Đại Dững vẫn không cung cấp được hồ sơ quyết toán các Hợp đồng EPC đáp ứng điều kiện về thành phần và nội dung theo đúng quy định tại các Hợp đồng và quy định pháp luật nên VNT19 không có cơ sở để chấp nhận giá trị và hồ sơ quyết toán cho Đại D1. Theo đó, VNT19 không có nghĩa vụ thanh toán cho Đại D1 khoản tiền quyết toán còn lại của các Hợp đồng EPC cũng như các yêu cầu khác theo yêu cầu khởi kiện. VNT19 đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của Đại D1.

2. Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2025/KDTM-ST ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi đã quyết định như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần K1 đối với bị đơn là Công ty Cổ phần B - Giấy VNT 19.

2. Buộc Công ty Cổ phần B - Giấy VNT 19 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần K1 số tiền còn nợ lại của Hợp đồng số 1028/2018/HĐXD/VNT19-DAIDUNG, ngày 24/9/2018, Hợp đồng số 975/2019/HĐXD/VNT19-DAIDUNG, ngày 03/9/2019 và Hợp đồng số 156/2020/HĐXD/VNT19-DAIDUNG, ngày 15/02/2020, số tiền phải thanh toán như sau:

- Số tiền nợ còn lại phải thanh toán của cả 03 hợp đồng là: 10.265.987.391 đồng (mười tỷ, hai trăm sáu mươi lăm triệu, chín trăm tám mươi bảy nghìn, ba

trăm chín mươi một đồng).

- Lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử (21/8/2025) là: 1.868.339.390 đồng (một tỷ, tám trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn, ba trăm chín mươi đồng).

- Phạt vi phạm hợp đồng là: 821.278.991 đồng (tám trăm hai mươi một triệu, hai trăm bảy mươi tám nghìn, chín trăm chín mươi một đồng).

Tổng số tiền phải thanh toán là: **12.955.605.772** đồng (mười hai tỷ, chín trăm năm mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ năm nghìn, bảy trăm bảy mươi hai đồng) và tiếp tục trả lãi chậm thanh toán phát sinh kể từ ngày 22/8/2025 theo mức lãi suất 12,75%/năm cho đến khi Công ty Cổ phần B - Giấy VNT 19 thanh toán hết số tiền nợ gốc của ba hợp đồng nêu trên cho Công ty Cổ phần K1.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần B - Giấy VNT 19 theo đơn yêu cầu phản tố ghi 13/3/2025, về việc yêu cầu Công ty Cổ phần K1 phải thanh toán, bồi thường thiệt hại, gồm các yêu cầu như sau:

3.1. Buộc Công ty Cổ phần K1 phải thanh toán ngay lập tức và vô điều kiện cho Công ty Cổ phần B - Giấy VNT 19 khoản tiền phạt do vi phạm tiến độ thi công của hợp đồng số 975/2019/HĐXD/VNT19-DAIDUNG, ngày 03/9/2019; hợp đồng số 1028/2018/HĐXD/VNT19-DAIDUNG, ngày 24/9/2018 và hợp đồng số 156/2020/HĐXD/VNT19-DAIDUNG, ngày 19/02/2020, số tiền phạt vi phạm tiến độ là 3.438.511.743 đồng (ba tỷ, bốn trăm ba mươi tám triệu, năm trăm mười một nghìn, bảy trăm bốn mươi ba đồng).

3.2. Buộc Công ty Cổ phần K1 phải thanh toán ngay lập tức và vô điều kiện cho Công ty Cổ phần B - Giấy VNT 19 khoản tiền phạt do vi phạm chất lượng thi công đối với hợp đồng số 1028/2018/HĐXD/VNT19-DAIDUNG, ngày 24/9/2018, số tiền phạt vi phạm chất lượng là 2.454.567.960 đồng (hai tỷ, bốn trăm năm mươi bốn triệu, năm trăm sáu mươi bảy nghìn, chín trăm sáu mươi đồng).

3.3. Bồi thường toàn bộ thiệt hại mà Công ty Cổ phần B - Giấy VNT 19 phải gánh chịu vì hành vi không thi công đúng chất lượng đối với hợp đồng số 1028/2018/HĐXD/VNT19-DAIDUNG, ngày 24/9/2018. Giá trị cụ thể của khoản bồi thường thiệt hại này sẽ được Công ty V1 bổ sung trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

3.4. Buộc Công ty Cổ phần K1 cung cấp chứng thư bảo lãnh bảo hành đối với hợp đồng số 1028, hợp đồng số 975 và hợp đồng số 156 theo đúng quy định các hợp đồng này.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền thi hành án, kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo: Ngày 27/8/2025, bị đơn là Công ty cổ phần V1 kháng cáo, yêu cầu Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/KDTM-ST ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:
Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Đề nghị HĐXX, căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 21/8/2025, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi xét xử vụ án nêu trên; ngày 27/8/2025, bị đơn là Công ty Cổ phần V1 VNT19 có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên được chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét việc giao kết và thực hiện các hợp đồng giữa Cổ phần Kết cấu thép K1 và Công ty Cổ phần B - Giấy VNT19, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Giữa Đại Dững và VNT19 đã ký kết 03 hợp đồng EPC như nêu trên, giá trị của hợp đồng, giá trị đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng, giá trị đã thanh toán cụ thể như sau

[Bảng 1]:

Nội dung	Giá trị của hợp đồng (đồng)	Giá trị đã xuất hóa đơn	Giá trị đã thanh toán
----------	-----------------------------	-------------------------	-----------------------

Hợp đồng số 1028/2018/HĐXD/VNT19- DAIDUNG (K30,31,32), ngày 24/9/2018 (gọi tắt là Hợp đồng số 1028)	20.454.733.000	38.547.709.858	18.624.003.147
Hợp đồng số 975/2019/HĐXD/VNT19- DAIDUNG (K43), ngày 03/9/2019 (gọi tắt là Hợp đồng số 975)	4.297.342.000		3.159.468.000
Hợp đồng số 156/2020/HĐXD/VNT19- DAIDUNG (K14,21,28), ngày 15/02/2020 (gọi tắt là Hợp đồng số 156)	9.633.042.439		6.210.737.439
Tổng cộng	34.385.117.439	38.547.709.858	27.994.208.586

Như vậy, các hợp đồng nêu trên giữa Đ và VNT19 được xác lập trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Bị đơn thừa nhận giá trị hợp đồng là 34.385.117.439; giá trị bao gồm thuế GTGT là 38.547.709.858; đã đã thanh toán 27.994.208.586.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn:

[3.1] Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn cho rằng nguyên đơn vi phạm tiến độ thi công công trình theo các hợp đồng:

+ Hợp đồng số 1028: Tại bút lục số 1001, Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình đưa vào sử dụng ngày 27/5/2020, thể hiện: “Tiến độ thi công theo hợp đồng khu nhà k30 (kết cấu + tôn bao che) ngày khởi công 23/10/2018, ngày hoàn thành 27/5/2020”. Biên bản này có đại diện Công ty V1 và Công ty K1 ký tên. Tại bút lục 3738, Biên bản bàn giao mặt bằng ngày 08/12/2018 thì công ty K1 đã nhận bàn giao mặt bằng từ nhà thầu Công ty Cổ phần L1 để tiến hành thi công các công việc tiếp theo từ ngày 08/12/2018.

Điều 4 Hợp đồng 1028 quy định về thời gian - tiến độ thực hiện hợp đồng như sau: “4.1. Thời gian Bên B thực hiện toàn bộ công việc theo Hợp đồng là 105 ngày (***bao gồm ngày nghỉ lễ, tết theo quy định***) kể từ ngày Hợp đồng được ký (với điều kiện bên B nhận bàn giao toàn bộ mặt bằng đủ điều kiện thi công theo đúng tiến độ)”.

Như vậy, ngày bàn giao mặt bằng ngày 08/12/2018; thời hạn thực hiện là 105 ngày, ngày hoàn thành là ngày 23/3/2019. Tuy nhiên, theo Biên bản nghiệm thu, đến ngày 27/5/2020 hai bên mới tiến hành nghiệm thu công trình là quá thời

hạn 14 tháng 02 ngày.

+ Hợp đồng số 975: Thời gian thi công của Đại Dững từ 05/9/2019 (Ngày bàn giao mặt bằng) còn tính từ ngày tạm ứng tiền ngày 23/9/2019; thời hạn 90 ngày thì ngày hoàn thành là ngày 23/12/2019; nhưng đến ngày 18/4/2023 hai bên mới tiến hành nghiệm thu.

Như vậy, là quá thời hạn hơn 26 tháng là vi phạm Điều 4 của hợp đồng số 975 quy định về thời gian, tiến độ thực hiện hợp đồng sau: *“Thời gian thi công dự kiến cho hạng mục là: **90 ngày** (không bao gồm ngày nghỉ lễ, tết theo quy định) kể từ sau khi hợp đồng được ký và khi bên B nhận bàn giao toàn bộ mặt bằng đủ điều kiện thi công cũng như nhận đủ số tiền tạm ứng từ bên A. Bên A sẽ phê duyệt bản vẽ thi công trước thời điểm thi công hạng mục tương ứng 15 ngày”*.

+ Hợp đồng số 156: Thời gian thi công của Đại Dững từ 09/3/2020 (còn tính từ ngày tạm ứng là 04/3/2020) thời hạn thực hiện hợp đồng là 105 ngày; ngày hoàn thành công trình là ngày 14/6/2020; Đến 18/4/2023 mới hoàn thành (theo Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình đưa vào sử dụng), là vi phạm hợp đồng.

Điều 4 hợp đồng 156 quy định về thời gian - tiến độ thực hiện hợp đồng như sau: *“4.1. Thời gian thi công dự kiến cho các khu 21, 28, 14 là: 150 ngày, cụ thể như sau: Thời gian thi công phần khung kết cấu chính và mái che trong vòng 105 ngày; thời gian hoàn thành dự kiến nhà 28: 60 ngày; thời gian hoàn thành dự kiến nhà 14: 45 ngày.*

4.2. Tiến độ thi công trên không bao gồm ngày nghỉ lễ, tết theo quy định. Thời gian tính tiến độ kể từ sau khi bên B nhận bàn giao toàn bộ mặt bằng đủ điều kiện thi công, bản vẽ thiết kế kỹ thuật trình duyệt, bản vẽ thi công lắp dựng được phê duyệt từ bên A, cũng như nhận đủ số tiền tạm ứng từ bên A. Bên A sẽ phê duyệt bản vẽ thiết kế kỹ thuật trình duyệt, bản vẽ thi công lắp dựng trước thời điểm thi công hạng mục tương ứng 15 ngày”.

Như vậy, Đại D1 đều vi phạm tiến độ thi công đối với 03 hợp đồng nêu trên.

[3.2] Xét kháng cáo bị đơn cho rằng vi phạm chất lượng thi công:

Tại Biên bản nghiệm thu ngày **27/5/2020** đối với nhà thép tiền chế khu máy sấy K30 theo hợp đồng 1028, thể hiện nội dung: *“Chất lượng công việc xây dựng: Về chất lượng xây dựng hạng mục công trình (đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng và yêu cầu kỹ thuật của công trình): đạt yêu cầu.”*

Tại Biên bản kiểm tra hiện trường K30 ngày 12/8/2020: S dầm, kết cấu, ti xà gồ vách, cầu thang, lang can, hệ thống mái...các bên thống nhất nội dung và ký Biên bản nhà thầu có hồ sơ quyết toán. Thời gian xử lý trước hồ sơ quyết toán.

Tại biên bản làm việc ngày **18/7/2022**, hai bên đã thống nhất các nội dung:

“Vẫn còn một số tồn đọng tại nhà K, nhà K43; nhà K do Đại Dững cam kết thực hiện.

- Nhà K30:

+ *Tôn úp nóc, máng thu nước bị hỏng: CĐT sẽ sửa chữa và trừ vào quyết toán sau này của Nhà thầu, phần chi tiết đơn giá và khối lượng sửa chữa CĐT gửi cho Đại Dững trước khi thực hiện*

+ *Biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đã ký.*

+ *Khi đến hết hạn bảo hành, CĐT sẽ đề nghị nhà thầu Đại Dững cùng đi kiểm tra và rà soát lại 1 lần cuối xem còn tồn tại khiếm khuyết để khắc phục trước khi CĐT có Biên bản xác nhận hết bảo hành (nhưng phải thực hiện trước khi quyết toán công trình).*

- Nhà K43:

+ *Tạo khung lỗ mở theo bản vẽ được duyệt ban đầu (3 lỗ mở).*

+ *Chưa hoàn thiện cầu thang thép trong nhà.*

+ *Máng xối, tôn góc nhà bị hư hỏng.*

- Nhà K21:

+ *Nhà lồng mái che cầu thang trục: E9-E10 chưa hoàn thiện mái tôn vách và cửa mở ở cos sàn +23,000m.*

+ *Chưa thi công 01 thang lên mái và máng thu nước cho nhà lồng, hoàn thiện các bất liên kết xà gồ theo thiết kế.”*

Tại các Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình đưa vào sử dụng ngày **18/4/2023** đối với nhà thép tiền chế khu nhà 14, 21, 28 và nhà thép tiền chế khu nhà Tuabin K43 (đối với các hợp đồng số 156 và 975, thể hiện nội dung:

“Chất lượng công việc xây dựng:

– Về chất lượng xây dựng hạng mục công trình (đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng và yêu cầu kỹ thuật của công trình): đạt yêu cầu.”

Các biên bản thu hoàn thành hạng mục công trình đưa vào sử dụng này đều có đại diện Công ty K1 là ông Trần Đức V – Phó giám đốc ký tên xác nhận.

Như vậy, đối với các công trình nhà thép tiền chế khu nhà 14, 21, 28 và nhà thép tiền chế khu nhà Tuabin K và nhà K30 đã được Đại Dững thi công hoàn thành và bàn giao cho VNT19 đưa vào sử dụng. Việc còn một số tồn tại nhà thép tiền chế khu nhà 14, 21, 28 và nhà thép tiền chế khu nhà Tuabin K đã được Đại Dững khắc phục. Còn tồn tại tại nhà K30, các bên đã thống nhất bên VNT19 sửa chữa và trừ vào tiền quyết toán.

Tuy nhiên, các bên chưa thực hiện việc này theo thỏa thuận. Vì vậy, cần đối chiếu, tính giá trị để trừ các khoản nêu trên cho bị đơn là phù hợp.

Bị đơn cho rằng vi phạm về chất lượng công trình và thời hạn nên yêu cầu phạt vi phạm chất lượng công trình do không đúng bản vẽ thiết kế, quy trình kỹ thuật thì phạt 12 % theo Điều 10.2 của Hợp đồng nhưng chưa được cấp sơ thẩm xem xét.

[3.3] Tại cấp phúc thẩm, VNT19 nộp thêm các tài liệu chứng cứ:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn nộp cho HĐXX bản vi bằng được thực hiện theo quy định và trình bày nội dung: Quá trình thi công nguyên đơn còn một số thiếu sót, quá trình thi công không đúng bản vẽ thiết kế. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm không thể làm rõ và bổ sung được. **Do có tình tiết mới tại cấp phúc thẩm** mà không thể thực hiện tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn; huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm; chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng:

Án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được giải quyết trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án lại theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Cổ phần B - Giấy VNT19 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần B - Giấy VNT19 số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần B - Giấy VNT19.
2. Huỷ toàn bộ bản án 01/2025/KDTM-ST ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi; chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.
3. Về án phí sơ thẩm: Được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần B - Giấy VNT19 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần B - Giấy VNT19 số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc

thẩm theo biên lai số 1302 ngày 07/10/2025 nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND khu vực 2 – Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 2- Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Thị Vân